

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 460/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ, hỗ trợ kinh phí

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành luật;

Căn cứ Thông tư 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ Tài chính về việc quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về điều hành ngân sách cuối năm 2022; xây dựng dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2023;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 712-TB/TU ngày 04/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Căn cứ Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Thông báo số 110/TB-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh về việc kết luận tại buổi làm việc rà soát, bố trí kinh phí cho công tác lập quy hoạch phân khu trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 76/TTr-STCS ngày 29/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ, hỗ trợ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện công tác quy hoạch phân khu trên địa bàn tỉnh, tổng số tiền 64.615 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí: Nguồn dự phòng ngân sách năm 2023.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Ninh theo chức năng phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn đơn vị đẩy nhanh tiến độ thực hiện; sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực trong quản lý và sử dụng ngân sách Nhà nước và thanh toán, quyết toán theo các quy định hiện hành;

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Xây dựng, Ban Quản lý khu vực và phát triển đô thị, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Kho bạc Nhà nước Bắc Ninh và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành././.

Nơi nhận : *a*

- Như Điều 3;
- TT TU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, XDCB, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Tân Phụng

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN QUY HOẠCH PHÂN KHU NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Số tiền
	TỔNG	64.615
I	Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị	36.700
1	Các đồ án đã bố trí một phần vốn	9.200
-	QHPK khu vực đô thị Trạm Lộ - Ninh xá - Gia Đông, huyện Thuận Thành (nay là thị xã Thuận Thành)	500
-	QHPK đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu vực Tam Đa - Dũng Liệt, huyện Yên Phong (Phân khu số 4)	1.000
-	QHPK đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu vực Tam Sơn - Tương Giang, thành phố Từ Sơn (Phân khu số 7)	900
-	QHPK đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu vực Đại Đồng - Tri Phương, huyện Tiên Du (Phân khu số 10)	900
-	QHPK đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu vực trung tâm Phố Mới mở rộng, thị xã Quế Võ (Phân khu số 19)	1.500
-	QHPK đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu vực Đại Xuân - Nhân Hoà, thị xã Quế Võ (Phân khu số 20)	1.000
-	QHPK đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu vực Quế Tân - Việt Hùng, thị xã Quế Võ (Phân khu số 21)	1.700
-	Lập điều chỉnh quy hoạch chung đô thị BN đến 2045	1.700
2	Các đồ án chưa bố trí vốn	27.500
-	QHPK đô thị tỷ lệ 1/2.000 Phân khu số 1 (Hòa Tiến - Tam Giang, huyện Yên Phong)	1.700
-	QHPK đô thị tỷ lệ 1/2.000 Phân khu số 2 (Chờ - Trung Nghĩa - Yên Phụ - Văn Môn - Đông Thọ, huyện Yên Phong)	3.800
-	Điều chỉnh QHPK đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu phía Đông Bắc Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh (Phân khu số 3)	2.500
-	Điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị, du lịch, sinh thái, văn hóa, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí trên địa bàn huyện Tiên Du và thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (Phân khu số 6)	2.500
-	QHPK đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu vực Liên Bảo - Hoàn Sơn - Hiên Vân - Việt Đoàn - Phật Tích - Cảnh Hưng - Minh Đạo (Phân khu số 11)	3.800
-	Điều chỉnh QHPK đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu vực Lim mở rộng (Phân khu số 12)	1.500
-	Điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị Đông Nam thành phố Bắc Ninh (Phân khu số 16)	2.000
-	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Phân khu số 17 (Khu đô thị Đông Nam QL.1A, thành phố Bắc Ninh)	3.700
-	Điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị Nam Sơn, tỉnh Bắc Ninh (Phân khu số 18)	6.000
II	UBND thành phố Từ Sơn	8.000
1	QHPK đô thị tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 8 (Châu Khê - Phù Khê - Hương Mạc - Đồng Kỵ - Đồng Nguyên - Trang Hạ, thành phố Từ Sơn)	4.000
2	QHPK đô thị tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 9 (Đình Bảng - Tân Hồng - Đông Ngàn - Phù Chẩn, thành phố Từ Sơn)	4.000

STT	Đơn vị	Số tiền
III	UBND thị xã Thuận Thành	1.915
1	QHPK đô thị tỷ lệ 1/2000 khu vực Hồ, Song Hồ, An Bình, thị xã Thuận Thành	1.915
IV	UBND thị xã Quế Võ	9.500
1	QHPK đô thị tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 22 (Bồng Lai - Cách Bi - Đào Viên - Ngọc Xá - Phù Lãng, thị xã Quế Võ)	5.000
2	QHPK đô thị tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 23 (Phù Lãng - Châu Phong - Đức Long, thị xã Quế Võ)	4.500
V	UBND thành phố Bắc Ninh	8.500
1	QHPK đô thị tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 13 (Khu vực Vạn An - Khúc Xuyên - Phong Khê, thành phố Bắc Ninh)	2.500
2	Điều chỉnh QHPK đô thị tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Tây Bắc thành phố Bắc Ninh (Phân khu số 14)	3.000
3	QHPK đô thị tỷ lệ 1/2000 Phân khu số 15 (Thị Cầu - Vũ Ninh - Suối Hoa - Kinh Bắc - Tiên An - Vệ An - Ninh Xá - Đại Phúc - Võ Cường, thành phố Bắc Ninh)	3.000